

Bản án số: **190/2019/HC-PT**

Ngày: 21-10-2019

V/v “*Kiến quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Thông**;

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**;

Ông **Trương công Thi**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2018/TLPT-HC ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “*Kiến quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 25/09/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1252/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Huỳnh Ngọc T**, bà **Nguyễn Thị N**; địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**; địa chỉ: 02 đường Tr, phường A1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Phú L**, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND thị xã B: Ông **Phạm N1** – Phó phòng quản lý đô thị thị xã B. Có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C: Ông **Đậu Công Đ**, chức vụ: Phó Chủ tịch. Có mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện – ông **Huỳnh Ngọc T** và bà **Nguyễn Thị N**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Huỳnh Ngọc T, bà Nguyễn Thị Nhựt trình bày:

Đất của gia đình chúng tôi đã ở ổn định từ năm 1993, đến năm 1995 đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là: UBND) huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ) cho toàn bộ diện tích là 675m² (bao gồm cả phần UBND thị xã B và UBND xã C cho rằng chúng tôi lấn chiếm hành lang an toàn giao thông). Chúng tôi không nhận được bất kỳ văn bản nào thể hiện đất của chúng tôi nằm trong hành lang an toàn giao thông, tuy nhiên gia đình vẫn tự nguyện chừa từ tìm đường vào 25m để làm hành lang. Gia đình tôi đã xây dựng tường rào kiên cố từ năm 1993 và không ai có ý kiến gì. Đến ngày 07/6/2013, UBND xã C lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 010/BB - VPHC xác định gia đình tôi xây dựng tường rào trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ. Gia đình tôi đã nêu rõ ý kiến không đồng ý với biên bản này và ký vào biên bản. Ngày 03/7/2013, Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 2945/QĐ - XPYP xử phạt gia đình tôi mức tiền 2.500.000 đồng và buộc tháo dỡ toàn bộ phần tường rào xây dựng trái phép, trả lại toàn bộ hiện trạng ban đầu. Không đồng ý với quyết định này, gia đình tôi đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là: TAND) thị xã B. Trong thời gian TAND thị xã B đang giải quyết vụ án, ngày 12/10/2013 Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Quyết định số 4149/QĐ-CC cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Quyết định này gia đình tôi đã nhận được, thời gian cụ thể chúng tôi không nhớ nhưng là 03 ngày trước khi UBND xã C tổ chức cưỡng chế. Chúng tôi cũng không nhận được thông báo về thời gian, ngày giờ tổ chức cưỡng chế. Do thời gian gấp quá nên gia đình không biết khiếu nại ở đâu nên chấp nhận để UBND xã C tiến hành cưỡng chế và gia đình ký vào các biên bản.

Sau khi bị cưỡng chế xong, gia đình tôi có tiếp tục kéo lưới cước để ngăn trâu bò vào vườn, ngày 27/3/2014, UBND xã C lập Biên bản vi phạm hành chính số 05/VBB - VTHC, gia đình tôi không đồng ý với biên bản này nên đã nêu ý kiến ở cuối biên bản và ký tên vào biên bản. Đến ngày 02/4/2014 Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 44/QĐ-XPVPHC. Quyết định này gia đình chúng tôi có nhận

được nhưng vì chúng tôi không vi phạm nên đã không chấp hành quyết định xử phạt này. Do đó, đến ngày 15/4/2014, Chủ tịch UBND xã C đã ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131/QĐ-CC. Quyết định này chúng tôi có nhận được trước thời điểm UBND xã C tổ chức cưỡng chế nhưng do không vi phạm nên chúng tôi không ký vào biên bản giao nhận. Sau đó UBND xã C đã tổ chức cưỡng chế tháo dỡ hàng rào bằng nhựa của gia đình tôi.

Không đồng ý với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế của Chủ tịch UBND xã C, gia đình tôi đã làm đơn khiếu nại đến UBND xã C nhưng không được chấp nhận, vì vậy gia đình tôi đã tiếp tục khiếu nại đến UBND thị xã B. Sau khi tổ chức đối thoại giữa các bên, Chủ tịch UBND thị xã B đã ban hành Quyết định số 4855/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 với nội dung không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của gia đình tôi.

Sau đó, chúng tôi đã tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến nhiều cơ quan khác nhau nhưng từ đó đến nay không nhận được kết quả giải quyết thỏa đáng. Do đó, chúng tôi khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

Đề nghị Tòa án tuyên hủy các quyết định sau: Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4194/QĐ - CC ngày 02/10/2013 của Chủ tịch UBND thị xã B; Quyết định số 4855/QĐ - UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch UBND thị xã B; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 44/QĐ - XPVPHC ngày 02/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C; Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131/QĐ - CC ngày 15/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C; Công văn số 9414/ UBND - NC ngày 22/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Quyết định Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 2945/QĐ - XPHC ngày 03/7/2013 của Chủ tịch UBND thị xã B.

Tuy nhiên, ngày 09/11/2017 chúng tôi đã có văn bản sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện lần thứ hai với nội dung rút yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Công văn số 9414/UBND-NC ngày 22/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Quyết định Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 2945/QĐ - XPHC ngày 03/7/2013 của Chủ tịch UBND thị xã B.

Yêu cầu UBND xã C bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần do hành vi cưỡng chế trái pháp luật, với tổng số tiền 1.626.530.000 đồng, cụ thể chúng tôi đã kê khai tại bản yêu cầu bồi thường thiệt hại (bổ sung kèm theo đơn khởi kiện) và đã cung cấp cho Toà án ngày 09/11/2017.

2. Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B trình bày:

Căn cứ vào các văn bản quy định về chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường bộ của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk, của UBND thị xã B và nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã nên ngày 07/6/2013; Ủy ban nhân dân xã C lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 01/BB - VPHC xác định gia đình ông Huỳnh Ngọc T xây dựng tường rào trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ. Do mức xử phạt vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã nên đã chuyển thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2945/QĐ -XPVP ngày 07/3/2013. Quyết định này ông T đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã B và được giải quyết bằng Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2013/HCST ngày 20/9/2013 của TAND thị xã B và Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2014/HC-PT ngày 20/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk với nội dung không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2945/QĐ-XPVC của UBND thị xã B.

Sau khi hết thời hạn tự nguyện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, mặc dù đang trong thời gian Tòa án nhân dân thị xã B đã thụ lý, giải quyết vụ án nhưng do ông Huỳnh Ngọc T không yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời yêu cầu tạm đình chỉ thi hành quyết định hành chính nên ngày 02/10/2013, Chủ tịch UBND thị xã B tiếp tục ban hành Quyết định số 4194/QĐ-CC về việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và giao cho UBND xã C chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã B và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quyết định này. Việc UBND thị xã B ban hành Quyết định số 4194/QĐ - CC ngày 02/10/2013 là đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 4855/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã B. Ngày 16/4/2014, vợ chồng ông Huỳnh Ngọc T, bà Nguyễn Thị N có đơn khiếu nại đến UBND thị xã B với các nội dung:

- Khiếu nại lô đất 276, tờ bản đồ số 09 gia đình ông T, bà N mua của bà Dung, ông Xuân, thường trú tại xã C, không tranh chấp với ai. Nhưng UBND xã C đến cưỡng chế, hủy hoại tài sản để lấy đất giao cho Nguyễn Văn Thu.

- Khiếu nại việc cưỡng chế, giải quyết khiếu nại của UBND xã C chưa tuân thủ quy trình, thủ tục cưỡng chế không có giấy tờ, văn bản.

- Gia đình ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị N chấp hành theo Bản án số 24/2012/DSST, ngày 24/8/2012 của Tòa án nhân dân thị xã B và yêu cầu chính quyền thực hiện theo Bản án số 24/2012/DSST.

- Gia đình xin rào hàng rào trên đất hành lang an toàn giao thông đường bộ để bảo vệ tài sản và nuôi gà vịt. Khi nào Nhà nước thu hồi gia đình ông T, bà N chấp hành.

Sau khi tiến hành xác minh, đối thoại, Chủ tịch UBND thị xã B kết luận: Ông Huỳnh Ngọc T đã tự ý xây dựng hàng rào kéo lưới B40 và chuồng gà, trồng các loại cây lâu năm, cây ăn trái trên thửa đất số 27 la, tờ bản đồ số 09 thuộc đất hàng lang an toàn giao thông đường bộ QL 14, do Nhà nước quản lý là vi phạm tại điểm b khoản 3 mục 3 Điều 1 Nghị định 71/2012/NĐ - CP ngày 19/9/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2010/NĐ - CP ngày 02/4/2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ. UBND xã C đã ban hành các biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng với quy định của pháp luật. Phần đất phía Đông giáp thửa 276, 277 cạnh dài 06m, tờ bản đồ số 09 chưa cấp GCNQSD đất thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương, nằm trong chỉ giới đường quốc lộ 14, thuộc Nhà nước quản lý, không được cấp đất cho hộ gia đình, cá nhân hay tổ chức nào lấn chiếm, sử dụng. Nhưng hộ ông Huỳnh Ngọc T bao chiếm sử dụng là trái với quy định của pháp luật. Việc ông Huỳnh Ngọc T bà Nguyễn Thị N xin rào hàng rào trên đất hàng lang an toàn giao thông đường bộ để bảo vệ tài sản và nuôi gà, vịt khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép là vi phạm các quy định của pháp luật. Từ những căn cứ và cơ sở nêu trên, Chủ tịch UBND thị xã B quyết định không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị N.

UBND thị xã B khẳng định: Việc UBND thị xã ban hành Quyết định số 4855/QĐ- UBND ngày 29/12/2014 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị N, thường trú tại thôn A, xã C, thị xã B là đúng với quy định, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà N.

3. Đại diện theo uỷ quyền của Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C trình bày:

Căn cứ vào các văn bản quy định về chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường bộ của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk, của UBND thị xã B và nhiệm vụ, quyền hạn của UBND xã nên ngày 07/6/2013, UBND xã C lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 01/BB - VPHC xác định gia đình ông Huỳnh Ngọc T xây dựng tường rào trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ. Do mức xử phạt vượt quá thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã nên đã chuyển cho Chủ tịch UBND thị xã B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2945/QĐ - XPVP ngày 07/3/2013. Do gia đình ông T không chấp hành quyết định này nên ngày 02/10/2013, Chủ tịch UBND thị xã B đề ban hành quyết định số 4194/QĐ-CC Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính với nội dung giao cho Chủ tịch UBND xã C chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã B và các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện quyết định này. Căn cứ vào Quyết định cưỡng chế của Chủ tịch UBND thị xã B, UBND xã C đã lên phương án, kế hoạch để tổ chức thực hiện việc cưỡng chế. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên UBND

xã không còn lưu trữ các văn bản thể hiện việc đã giao thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức cưỡng chế cho gia đình ông T. Ngày 06/11/2013, UBND xã C đã tổ chức cưỡng chế tháo dỡ tường rào của gia đình, ông T, bà N xây dựng trái phép trên đất thuộc hành lang an toàn giao thông. Việc cưỡng chế đã được lập thành văn bản và có xác nhận của gia đình ông T.

Sau khi cưỡng chế, gia đình ông T vẫn tiếp tục có hành vi vi phạm, cụ thể là tiếp tục kéo hàng rào trên đất vi phạm. Do đó, đến ngày 27/3/2014 UBND xã C lập Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB - VPHC có chữ ký của gia đình ông T. Ngày 02/4/2014 Chủ tịch UBND xã C ban hành Quyết định xử phạt vi phạm, hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 44/QĐ - XPVPHC, quyết định này được giao cho gia đình ông T nhưng do gia đình ông T không chấp hành nộp phạt cũng không chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả nên đến ngày 15/4/2014, Chủ tịch UBND xã C đã ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131/QĐ - CC. Quyết định này đã được giao cho gia đình ông T nhưng gia đình ông T không ký nhận. Sau khi ban hành quyết định số 131/QĐ - CC, việc Ủy ban nhân dân xã C có ban hành các kế hoạch, thông báo về thời gian, ngày giờ cưỡng chế hay không do thời gian đã lâu, việc lưu trữ còn nhiều hạn chế, hiện nay UBND xã C không có tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc T, bà Nguyễn Thị N đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 44/QĐ-XPVPHC ngày 02/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C; Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131/QĐ - CC ngày 15/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C và yêu cầu UBND xã C bồi thường số tiền 1.626.530.000 đồng thì UBND xã C không đồng ý. Bởi do ông T, bà N đã sử dụng hành lang an toàn giao thông trái phép; vì vậy việc ra các quyết định cũng như tổ chức việc cưỡng chế đã được thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà pháp luật đã quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 25/09/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 7; khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 173; điểm e khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật khiếu nại năm 2012; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Công văn số 9414/UBND-NC-ngày 22/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 2945/QĐ-XPHC ngày 03/7/2013 của Chủ tịch UBND thị xã B.

2. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc T, bà Nguyễn Thị N đối với việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4855/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch UBND thị xã B.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc T, bà Nguyễn Thị N đối với yêu cầu hủy các quyết định gồm: Quyết định số 4194/QĐ-CC ngày 12/10/2013 của Chủ tịch UBND thị xã B về việc Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 44/QĐ-XPVPHC ngày 02/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C và Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131/QĐ-CC ngày 15/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C.

4. Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07 tháng 10 năm 2018, ông Nguyễn Đình Tứ và bà Nguyễn Thị N có Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Đình Tứ rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra để xem xét trách nhiệm hình sự. Đồng thời trình bày cho rằng: Theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ chỉ quy định giới hạn hành lang an toàn giao thông đường bộ (Đối với đường ngoài đô thị) là 13m đối với đường Cấp III tính từ tim đường ra hai bên. Do đó, theo kết quả thẩm định, đo đạc lại vào ngày 16/5/2019 thì từ tim đường vào mép hàng rào là 13,3m là không vi phạm. Hơn nữa, hàng rào nhà ông có chiều dài là 24,6m nhưng UBND thị xã B và UBND xã C chỉ xử phạt và tháo dỡ chỉ có 6m; đồng thời các hộ xung quanh khu vực ông ở có người xây dựng hàng rào không đủ 13m nhưng vẫn không bị xử phạt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông sửa Bản án hành chính sơ thẩm, hủy các quyết định của UBND thị xã B và UBND xã C.

Ý kiến của người bị kiện:

- *Ý kiến của UBND thị xã B:* Việc UBND thị xã B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 2945/QĐ-XPHC ngày 03/7/2013; Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4194/QĐ-CC ngày 02/10/2013 và Quyết định số 4855/QĐ-

UBND ngày 29/12/2014 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị N là đúng với quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Ý kiến của UBND xã C:* Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 44/QĐ-XPVPHC ngày 02/4/2014 và Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131/QĐ-CC ngày 15/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

- Về nội dung: UBND thị xã B và UBND xã C chỉ tiến hành lập các biên bản vi phạm và ra các quyết định xử phạt và cưỡng chế trong phạm vi chỉ có 6m trong tổng số chiều dài hàng rào nhà ông T là 24,6m; ngoài ra, các hộ xung quanh nhà ông T nằm dọc hai bên đường Quốc lộ 14, đoạn qua xã C có hàng rào như nhà ông T nhưng không bị xử phạt là không khách quan và thống nhất trong công tác quản lý tại địa phương. Đồng thời, theo quy định tại Điều 44. Quy định về giải quyết các công trình tồn tại trong đất dành cho đường bộ nếu công trình xét thấy chưa ảnh hưởng trực tiếp đến ổn định của công trình đường bộ và an toàn giao thông đường bộ trước mắt cho phép giữ nguyên hiện trạng nhưng chủ công trình phải cam kết không cơi nới và thực hiện dỡ bỏ công trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, kháng cáo của ông T yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 44/QĐ-XPVPHC ngày 02/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C; Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131/QĐ-CC ngày 15/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc T, sửa bản án hành chính sơ thẩm hủy 02 quyết định nêu trên; không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc T đề nghị hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 2945/QĐ-XPHC ngày 03/7/2013 và Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4194/QĐ-CC ngày 02/10/2013 của Chủ tịch UBND thị xã B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc T, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm huỷ toàn bộ các quyết định của Chủ tịch UBND thị xã B và Chủ tịch Ủy ban nhân xã C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị N: Hộ gia đình ông T và bà N nhận chuyển nhượng đất từ năm 1993 và đã xây nhà ở, làm hàng rào như hiện nay. Đến năm 2013, UBND thị xã B và UBND xã C cho rằng gia đình ông T làm hàng rào lấn hành lang an toàn giao thông đường bộ nên đã lập các biên bản vi phạm và ra các quyết định xử phạt vi phạm hành chính như đã nêu.

[2]. *Đối với yêu cầu đề nghị huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2945/QĐ-XPVP ngày 03/7/2013 và Quyết định số 4194/QĐ-CC ngày 02/10/2013 của Chủ tịch UBND thị xã B.* Xét thấy, đối với các quyết định trên đã được giải quyết bằng Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2013/HCST ngày 20/9/2013 của Tòa án nhân dân thị xã B và Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2014/HC-PT ngày 20/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk với nội dung không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc T. Hiện nay ông T đã có Đơn đề nghị và đã được Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thụ lý xem xét giải quyết lại theo thủ tục tái thẩm. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của ông T, bà N nên không có cơ sở để xem xét.

[3]. *Xét yêu cầu kháng cáo đề nghị UBND xã C bồi thường tổn thất về vật chất và tinh thần với tổng mức bồi thường là 1.626.530.000 đồng;* xét thấy: Tại Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4194/QĐ – CC ngày 02/10/2013 của Chủ tịch UBND thị xã B có nội dung là dỡ bỏ toàn bộ hàng rào xây dựng trái phép của ông Huỳnh Ngọc T. Tuy nhiên, khi tổ chức thực hiện việc cưỡng chế UBND xã C ngoài việc dỡ bỏ hàng rào xây dựng trái phép còn dỡ bỏ cả các công trình khác như chuồng heo, nhà nấu rượu và các cây trồng trên đất của gia đình ông Huỳnh Ngọc T. Tuy nhiên, ông Huỳnh Ngọc T không yêu cầu định giá tài sản bị cưỡng chế để có căn cứ tính giá trị thiệt hại. Ngoài ra, việc UBND xã tổ chức cưỡng chế, có đưa một số tài sản như lưới B40, các thang gỗ dùng để gác tôn...về trụ sở để lưu giữ, bảo quản nhưng không lập biên bản về việc thu giữ và hiện nay chưa xử lý đối với các tài sản này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm đã tách yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại để giải quyết một vụ án dân sự khác khi đương sự cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ và có yêu cầu là phù hợp với khoản 2 Điều 7 của Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, kháng cáo của ông T không có cơ sở chấp nhận.

[4]. *Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 44/QĐ-XPVPHC ngày 02/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C; Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131/QĐ-CC ngày 15/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C:*

[5]. Thực hiện Quyết định số 4194/QĐ-CC ngày 02/10/2013 của Chủ tịch UBND thị xã B, ngày 06/11/2013 Ủy ban nhân dân xã C đã tổ chức cưỡng chế, tháo dỡ phần công trình ông Huỳnh Ngọc T xây dựng trái phép trong hành lang an toàn giao thông đường bộ. Sau khi cưỡng chế, gia đình ông Huỳnh Ngọc T lại tiếp tục kéo lưới cước để ngăn không cho trâu bò vào vườn nhà mình. Do đó, ngày 27/3/2014 UBND xã C đã lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 05/BB-VPHC. Căn cứ vào biên bản vi phạm này, ngày 02/4/2014 Chủ tịch UBND xã C đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 44/QĐ-XPVPHC xử phạt ông Huỳnh Ngọc T 2.500.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả là yêu cầu ông Huỳnh Ngọc T phải dỡ toàn bộ hàng rào trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ, trả lại hiện trạng ban đầu.

[6]. Xét thấy, theo nội dung Công văn số 243/CV-QLGT ngày 28/7/2005 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk ban hành về việc xác định chỉ giới đường Hồ Chí Minh ngoài thị trấn Knhur sau: *“Ngoài các thị trấn của tỉnh Đắk Lắk, đường Hồ Chí Minh sẽ đi trùng đường Quốc lộ 14 hiện hữu; đường HCM có chỉ giới quy hoạch 6 làn xe là 100m (từ tim đường ra mỗi bên là 50m)…”*. Nên việc UBND xã C đã lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 05/BB-VPHC ngày 27/3/2014 của UBND xã C thể hiện: vị trí gia đình ông T, bà N xây dựng tường rào, kéo lưới nhựa là cách tìm đường quốc lộ 14 là 12,9m, xác định ông Huỳnh Ngọc T có hành vi vi phạm đất dành cho đường bộ.

[7]. Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện theo uỷ thác tư pháp thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/5/2019 có sự tham gia của chính quyền địa phương đã đo từ tim đường vào vị trí tranh chấp là hàng rào nhà ông T có chiều dài là 13,3m. Như vậy, các kết quả đo đạc trước đây của các cơ quan chức năng của thị xã B và tỉnh Đắk Lắk là không chính xác. Tuy nhiên, theo Điều 14 và Điều 15 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ và Công văn số 7171/BGTVT-KCHT ngày 01/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải thì phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ (đối với đường cấp III) là 02m được tính từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (chân mái đường đắp hoặc mép ngoài cùng của rãnh dọc tại các vị trí không đào, không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào) ra mỗi bên; phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ (đối với đường cấp III ngoài đô thị) là 13m được tính từ đất của đường bộ trở ra mỗi bên (không tính từ từ tim đường ra mỗi bên). Vì vậy, theo cách xác định trên thì vị trí hàng rào hiện nay gia đình ông T đã vi phạm chỉ giới hành lang an toàn đường bộ.

[8]. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chính quyền địa phương thực hiện công tác quản lý hành chính để bảo đảm an toàn hành lang đường bộ là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, UBND xã C chỉ tiến hành lập các biên bản vi phạm và ra các quyết định xử phạt và cưỡng chế trong phạm vi chỉ có 6m trong

tổng số chiều dài hàng rào nhà ông T là 24,6 là không thuyết phục, có dấu hiệu vi động cơ khác. Sau khi bị cưỡng chế lần 1 vào năm 2013, gia đình ông T chỉ dựng trụ và kéo lưới nhựa để bảo vệ an toàn vật nuôi chạy ra ngoài đường gây mất an toàn giao thông nhưng UBND xã C lại tiếp tục lập Biên bản vi phạm hành chính và ra các quyết định như nêu trên là không cần thiết. Ngoài ra, các hộ xung quanh nhà ông T nằm dọc hai bên đường Quốc lộ 14, đoạn qua xã C có hàng rào như nhà ông T nhưng cũng không bị xử phạt và tháo dỡ là không đảm bảo tính khách quan, công bằng và thống nhất trong công tác quản lý theo Luật xử phạt vi phạm hành chính. Đồng thời, theo quy định tại Điều 44. Quy định về giải quyết các công trình tồn tại trong đất dành cho đường bộ:

“1. Dỡ bỏ ngay các công trình gây nguy hại đến sự ổn định của công trình đường bộ và an toàn hoạt động giao thông vận tải đường bộ.

2. Những công trình xét thấy chưa ảnh hưởng trực tiếp đến ổn định của công trình đường bộ và an toàn giao thông đường bộ trước mắt cho phép giữ nguyên hiện trạng nhưng chủ công trình phải cam kết không coi nới và thực hiện dỡ bỏ công trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền...”

[9]. Xét thấy, theo các quy định nêu trên thì hàng rào nhà ông T không gây nguy hại đến sự ổn định của công trình đường bộ, an toàn hoạt động giao thông vận tải đường bộ và cũng chưa ảnh hưởng trực tiếp đến ổn định của công trình đường bộ và an toàn giao thông đường bộ. Do đó, kháng cáo của ông T yêu cầu huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 44/QĐ-XPVPHC ngày 02/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C; Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131/QĐ-CC ngày 15/4/2014 của Chủ tịch UBND xã C là có cơ sở, cần chấp nhận.

[10]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc T, bà Nguyễn Thị N và ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp cần chấp nhận sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm.

[11]. Về án phí hành chính:

Do kháng cáo được chấp nhận nên Ông Huỳnh Ngọc T, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm; đồng thời do Bản án hành chính bị sửa nên Chủ tịch UBND xã C và Chủ tịch UBND thị xã B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

[12]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Luật khiếu nại năm 2012; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về giới hạn hành lang an toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc T đề nghị hủy Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4194/QĐ-CC ngày 02/10/2013 của Chủ tịch UBND thị xã B.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc T; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2018/HC-ST ngày 25/09/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Chấp nhận một phần Đơn khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc T, bà Nguyễn Thị N đối với việc yêu cầu hủy các quyết định:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ số 44/QĐ-XPVPHC ngày 02/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C;

Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131/QĐ-CC ngày 15/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C;

4. Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết sau bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, phải chịu 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị N đã nộp và chi phí xong nên được hoàn trả lại.

6. Về án phí hành chính:

Ông Huỳnh Ngọc T, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm do ông Huỳnh Ngọc T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001747 ngày 23/10/2017 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0010727 ngày 16/10/2018 và số 0010728 ngày 16/10/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, thị xã B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Chủ tịch Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, LT, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông